

Bản án số: **06/2023/HNGĐ-ST**

Ngày 14/02/2023

“V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K - TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Hoàng Ngọc Hưng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Lệ Dung

Ông Vũ Xuân Dụ

- Thư ký phiên tòa: ông Phạm Văn Thành - Thư ký Toà án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa: ông Ninh Trọng Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 14/02/2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 256/2022/TLST-HNGĐ ngày 14/11/2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/01/2023 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** chị Lê Thị Trà M, sinh năm 1995; nơi ĐKKHKT: Xóm 5, xã A, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Chỗ ở hiện nay: Tổ 20, thôn Bình An, xã T, huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam “chị Trà M có đơn xin xét xử vắng mặt”.

Người đại diện theo ủy quyền nhận văn bản tố tụng: ông Phạm Ba Đô - Luật sư thuộc Công ty luật TNHH SJKLAW; địa chỉ: xóm H, thôn H, TT. V, huyện U, Hà Nội. Văn phòng: Tầng 7, số 3/115 N, phường Y, quận C, Hà Nội.

- **Bị đơn:** anh Trần Văn M, sinh năm 1991; nơi cư trú: Xóm 5, xã A, huyện K, tỉnh Ninh Bình “có mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án chị Lê Thị Trà M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị (Lê Thị Trà M) kết hôn với anh Trần Văn M trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 30/3/2016 tại UBND xã A, huyện K (là quê anh M). Sau đăng ký kết hôn vợ chồng sống cùng gia đình nhà chồng tại xã A, huyện K được một thời gian, sau đó vợ chồng vào trong miền nam làm ăn. Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do

chị Trà M phát hiện anh M sử dụng ma túy, chị Trà M đã khuyên bảo anh M từ bỏ ma túy, nhưng anh M không nghe dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng xảy ra. Do không thể chung sống được cùng anh M nên chị Trà M đã về quê và sinh sống cùng gia đình tại thôn B, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam từ năm 2018 và vợ chồng chính thức sống ly thân nhau. Sau đó chị Trà M được biết anh M cũng về quê và sinh sống tại xã A, huyện K. Ngày 19/6/2019, chị Trà M có đơn khởi kiện xin ly hôn anh M, sau đó được Tòa án hòa giải, để tạo điều kiện cho anh M có cơ hội sửa chữa chị đã rút đơn, nhưng anh M vẫn không thay đổi, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên đến tháng 4 năm 2021 chị Trà M tiếp tục làm đơn khởi kiện xin ly hôn anh M. Trong thời gian chờ Tòa án giải quyết thì anh M vi phạm pháp luật, bị bắt về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, vì bị anh M tạm giam nên chị Trà M lại rút đơn khởi kiện, sau đó chị Trà M được biết anh M bị xử phạt 16 tháng tù và chấp hành án tại Trại giam số 3 - Cục C10 - Bộ Công an có địa chỉ tại xã Nghĩa Dũng, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Văn M.

Về con chung: chị Trà M xác nhận vợ chồng anh chị có 01 con chung là cháu Lê Trần Phương L, sinh ngày 19/01/2015. Do khi sinh cháu anh chị chưa kết hôn, nên cháu mang họ mẹ là Lê và có đệm họ bố là Trần. Hiện nay cháu L đang ở cùng gia đình anh M tại xã A, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Khi ly hôn chị Trà M có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu L, vì anh M đang phải chấp hành án tại trại giam. Chị Trà M không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị.

Về tài sản và nợ chung: chị Trà M xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn trong vụ án là anh Trần Văn M, nơi ĐKKHKT: Xóm 5, xã A, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Quá trình thụ lý vụ án anh M đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam số 3 - Cục C10 - Bộ Công an có địa chỉ tại xã Nghĩa Dũng, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện K đã có văn bản đề nghị Trại giam số 3 giao Thông báo về việc thụ lý vụ án, đồng thời ủy thác cho Tòa án nhân dân huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An thu thập chứng cứ theo quy định của pháp luật. Trong thời hạn chuẩn bị xét xử, anh M đã chấp hành án phạt tù xong và trở về địa phương sinh sống.

Tại bản tự khai đề ngày 27/12/2022 của anh M viết tại Trại giam số 3 - Cục C10 - Bộ Công an và tại phiên tòa anh M trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: anh M xác nhận anh có kết hôn với chị Lê Thị Trà M kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện K, tỉnh

Ninh Bình vào ngày 30/3/2016. Sau khi kết hôn vợ chồng sống bình thường được khoảng 1 năm thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung dẫn đến thường xuyên cãi chửi nhau và vợ chồng sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Sau khi vợ chồng sống ly thân anh có vi phạm pháp luật và bị Tòa án nhân dân huyện K xử phạt 16 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Nay chị Trà M có đơn xin ly hôn, anh M xác định tình cảm vợ chồng không còn, sống ly thân nhau đã lâu, anh M đồng ý ly hôn chị Lê Thị Trà M.

- Về con chung: anh M xác nhận anh và chị Trà M có 01 con chung là cháu Lê Trần Phương L, sinh ngày 19/01/2015. Anh M xác nhận cháu L mang họ Lê là họ của Trà M, vì thời điểm sinh cháu anh chị chưa đăng ký kết hôn. Hiện nay cháu L đang sống cùng gia đình anh tại Xóm 5, xã A, huyện K. Khi ly hôn anh M có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu và không yêu cầu chị Trà M cấp dưỡng nuôi con cho anh. Tại phiên tòa anh M cũng xác nhận xét về điều kiện được nuôi con thì anh không bằng chị Trà M, nhưng anh không đồng ý để chị Trà M nuôi dưỡng cháu L, vì anh có tình cảm với cháu nhiều hơn.

- Về tài sản chung, công nợ chung: anh M xác định anh và chị Trà M không có tài sản chung, không có khoản nợ nào chung, nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và biên bản ghi lời khai cháu Lê Trần Phương L trình bày:
cháu xác nhận là con anh M, chị Trà M. Hiện này cháu đang ở cùng ông bà nội tại xóm 5, xã A, huyện K. Trường hợp bố mẹ ly hôn thì nguyện vọng của cháu muốn được ở với mẹ là chị Trà M.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã xác M:

Chính quyền địa phương xã A, huyện K cung cấp: anh Trần Văn M và chị Lê Thị Trà M là công dân của địa phương, có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xóm 5, xã A, huyện K. Anh M, chị Trà M có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện K vào ngày 30/3/2016, sau khi kết hôn anh chị ấy sống tại xã A một thời gian thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh M nghiện ma túy, mặc dù đã được gia đình và chính quyền động viên, khuyên giải anh M cai nghiện để vợ chồng có cuộc sống gia đình hạnh phúc, nhưng anh M không từ bỏ được ma túy. Năm 2021, anh M bị bắt và bị xét xử về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Do không thể tiếp tục chung sống được với nhau chị Trà M đã về nhà bố mẹ đẻ ở xã T, huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam từ năm 2018 đến nay. Còn anh M hiện đang chấp hành án tại Đội 4, phân trại số 1, Trại giam số 3 - Cục C10 - Bộ Công an, đóng trên địa bàn xã Nghĩa Dũng, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An. Về con chung, qua nắm bắt nhân khẩu,

hộ khẩu thì vợ chồng anh M, chị Trà M có 01 con chung là cháu Lê Trần Phương L, sinh tháng 01 năm 2015 (được lấy họ Lê là họ của chị Trà M). Hiện nay cháu đang sinh sống và học tập tại xóm 5, xã A, huyện K, tỉnh Ninh Bình cùng gia đình anh M. Về quan hệ tài sản: do chị Trà M đã chuyển về tỉnh Quảng Nam sinh sống nên thu nhập của chị ấy như nào chính quyền địa phương không nắm được, còn anh M đang phải chấp hành án phạt tù.

Tại Biên bản xác M ngày 27/01/2023, Công an xã A cung cấp: anh Trần Văn M, sinh năm 1991; nơi ĐKHKTT tại xóm 5, xã A, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Anh M bị Tòa án xét xử và xử phạt 16 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và chấp hành án tại Trại giam số 3 - Cục C10 - Bộ Công an, đóng trên địa bàn xã Nghĩa Dũng, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An. Sau khi anh M chấp hành án phạt tù xong đã về trình diện tại Công an xã vào sáng ngày 27/01/2023, theo Giấy chứng nhận chấp hành xong án phạt tù số 99/GCN-TGS3 ngày 20/01/2023 của Trại giam số 3 - Cục C10 - Bộ Công an thì anh M chấp hành án phạt tù xong ngày 20/01/2023, hiện nay anh M đang cư trú tại địa phương. Công an xã A đã thông báo cho Tòa án biết để giải quyết vụ việc dân sự và cung cấp cho Tòa án bản sao Giấy chứng nhận chấp hành xong án phạt tù của anh M.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát phát biểu về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký tòa án, Hội đồng xét xử (HĐXX) đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền, nghĩa vụ của mình. Tại phiên tòa chị Trà M có đơn xin xét xử vắng mặt, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị Trà M. Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Xử cho chị Trà M ly hôn anh M. Giao con chung là cháu Lê Trần Phương L, sinh ngày 19/01/2015 cho chị Trà M trực tiếp nuôi dưỡng. Anh M không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Trà M, các bên có quyền thăm nom con chung. Về án phí: chị Trà M phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu có tại hồ sơ cũng như kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: đây là quan hệ tranh chấp về “Hôn nhân và gia đình” quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn anh Trần Văn M, sinh năm 1991; nơi ĐKHKTT: Xóm 5, xã A, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Khi thụ lý vụ án,

anh M đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam số 3 - Cục C10 - Bộ Công an có địa chỉ tại xã Nghĩa Dũng, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An. Hiện anh M đã chấp hành án xong ngày 20/01/2023 và cư trú tại Xóm 5, xã A, huyện K, tỉnh Ninh Bình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, đơn có chứng thực của UBND xã Tam Thăng, thành phố Tam kỳ, tỉnh Quảng Ngãi. Hội đồng xét xử xét thấy việc chị Trà M có đơn xin xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị Lê Thị Trà M

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Lê Thị Trà M và anh Trần Văn M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được tự do tìm hiểu, không bị ai lừa dối hay ép buộc và có đăng ký kết hôn ngày 30/3/2016 tại UBND xã A, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình, thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, nhưng giữa anh M và chị Trà M không tôn trọng nhau trong cuộc sống. Quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, do anh M ham chơi dẫn đến nghiện ma túy, chị Trà M đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh M vẫn không từ bỏ được ma túy, dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau. Chị Trà M đã 02 lần khởi kiện xin ly hôn anh M tại Tòa án, sau đó đã rút đơn về đoàn tụ nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không được cải thiện vợ chồng và sống ly thân nhau từ nhiều năm nay.

Xét thấy tại bản tự khai, cũng như tại phiên tòa anh Trần Văn M xác nhận vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian ngắn đã phát sinh mâu thuẫn và không có tiếng nói chung trong sinh hoạt, thường xuyên cãi chửi nhau, anh M xác nhận mình là người sử dụng ma túy và đã vi phạm pháp luật phải đi chấp hành án phạt tù, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai, chị Trà M có đơn xin ly hôn, anh M đồng ý ly hôn chị Trà M. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Hội đồng xét xử xét thấy, cả chị Trà M và anh M đều đề nghị được ly hôn nhau vì tình cảm vợ chồng không còn. Tuy nhiên tại phiên tòa chị Trà M vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho ly hôn giữa chị Lê Thị Trà M và anh Trần Văn M là phù hợp với ý chí của cả hai bên và phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: chị Trà M, anh M có 01 con chung là cháu Lê Trần Phương L, sinh ngày 19/01/2015. Hiện nay cháu L đang ở cùng gia đình anh M tại xóm 5, xã A, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Chị Trà M có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu, vì anh M mới chấp hành án xong chưa có công việc ổn định, chưa có thu nhập nên không có điều kiện chăm sóc con chung, chị Trà M có công việc và thu nhập ổn định, có xác nhận của Công ty TNHH J về thu nhập hàng tháng của chị, đồng thời chị Trà M không yêu cầu anh M phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị. Cháu L có nguyện vọng xin được ở với chị Trà M. Anh M cũng có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu L và không yêu cầu chị Trà M phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh, anh M xác nhận anh mới chấp hành án xong chưa có việc làm, chưa có thu nhập, anh M cũng xác nhận xét về điều kiện để được nuôi dưỡng con chung anh không bằng chị Trà M, nhưng cháu L ở với anh và gia đình anh M từ nhỏ, nên anh mong muốn được trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy, chị Trà M có đầy đủ mọi điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc cháu L tốt hơn anh M và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu L. Do đó, cần chấp nhận đề nghị của chị Trà M, giao chị Trà M trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Lê Trần Phương L. Chấp nhận đề nghị của chị Trà M về việc không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị như sự tự nguyện của chị là phù hợp với thực tế.

[4] Về tài sản và nợ chung: chị Trà M và anh M đều xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có khoản nợ nào chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: chị Trà M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Lê Thị Trà M và anh Trần Văn M.
2. Về nuôi con chung: giao con chung là cháu Lê Trần Phương L, sinh ngày 19/01/2015 cho chị Lê Thị Trà M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi, anh M không phải cấp dưỡng nuôi con chung

cho chị Trà M. Anh M có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở và không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người trực tiếp nuôi con. Khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí: chị Lê Thị Trà M phải nộp 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0004712 ngày 14/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K; chị Trà M đã nộp đủ.

Bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh NB;
- VKS huyện K;
- THADS huyện K;
- UBND xã A;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(*Đã ký*)

Hoàng Ngọc Hưng